TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VĨNH LONG **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 01-8-2024
"V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. VĨNH LONG, TỈNH VĨNH LONG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Mỹ Thuận

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Đặng Ngọc Thu

2. Bà Lê Thị Kiều Oanh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn An Phước – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thủy Tiên – Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 192/2024/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2024 về việc tranh chấp *"Ly hôn, nuôi con chung"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2024/QĐXX-ST ngày 09 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Mai Thị N**, sinh năm: 1992. Nơi ĐKTT: Số A, Khóm T, phường T, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long; Chỗ ở: Khóm T, phường A, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp (có đơn xin vắng mặt ngày 15/5/2024).

- *Bị đơn:* Anh **Trần Thanh T**, sinh năm: 1994. Nơi ĐKTT: Số A, Khóm T, phường T, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long. Hiện đang chấp hành án tại Trại giam K-Cục C 10 (có đơn xin vắng mặt ngày 09/7/2024).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 15/5/2024 cùng các tài liệu trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Mai Thị N trình bày:

- Về hôn nhân: Chị N và anh T tự quen biết tìm hiểu nhau khoảng hơn 01 năm thì đi đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới theo phong tục vào năm 2013 và chung sống với nhau như vợ chồng nhưng đến ngày 02/02/2017 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, thành phố V (nay là phường T).

Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, thỉnh thoảng có mâu thuẫn, đến đầu năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống không tìm được tiếng nói chung, thiếu niềm tin lẫn nhau thường xuyên cự cãi với nhau, anh T không chí thú làm ăn, thường xuyên nhậu say về nhà đánh đập, có lời nói đe dọa xúc phạm chị nên cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Nhiều lần nhậu về anh T không kiềm chế bản thân có những lời lẽ hâm dọa, hành động đánh đập làm cho chị và con rất sợ, có lần anh T dùng dao đe dọa hâm giết chết. Tháng 9/2022 chị N và anh T đã sống ly thân, chị cùng con dọn đến địa chỉ Khóm T, phường A, TP ., tỉnh Đồng Tháp để sinh sống, đi làm nuôi con, đồng thời làm đơn xin ly hôn với anh T. Thời điểm này anh T đang bị bắt tạm giam nên chị rút đơn và Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long đã ban hành Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 49/2022/QĐST-HNGĐ ngày 28/10/2022, nay anh T đang chấp hành án tại Trại giam K. Từ khi mâu thuẫn xảy ra chị N và anh T đã nhiều lần nói chuyện để giải quyết mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm nhưng đều không được, chị không nhờ chính quyền địa phương tổ chức hòa giải. Chị xác định không còn tình cảm với anh T, yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về con chung: chị N và anh T có 01 con chung tên Trần Ngọc Cát T1, sinh ngày 04/5/2014. Khi ly hôn chị N yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay Cát T1 do chị nuôi dưỡng, chị có thu nhập ổn định từ việc làm nhân viên tại Trung tâm Anh ngữ tại thành phố S, thu nhập hàng tháng 6.000.000đ – 7.000.000đ, đủ khả năng nuôi con.

- Về tài sản chung: chị và anh T tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: chị và anh T không có nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 09/4/2024, bị đơn Trần Thanh T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: anh T thống nhất lời trình bày của chị N về quan hệ hôn nhân, thời gian đăng ký kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng và thời gian sống ly thân. Anh xác định còn thương chị N không muốn ly hôn nhưng nếu chị N kiên quyết thì anh đồng ý ly hôn với chị N.
- Về con chung: anh T thống nhất lời trình bày của chị N về con chung và đồng ý giao con chung cho chị N nuôi dưỡng, anh T không cấp dưỡng nuôi con.
- Về tài sản chung, nợ chung: thống nhất lời trình bày của chị N. Anh và chị N1 không có nợ chung và tự thỏa thuận tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long phát biểu ý kiến:

Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đều tuân theo đúng quy định pháp luật tố tụng; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quy định pháp luật.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147, 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N. Cho chị N được ly hôn với anh T; giao con chung Trần Ngọc Cát T1, sinh năm 04/5/2014 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con; án phí ly hôn: chị N phải nộp 300.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị N khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với anh T, nên xác định đây là vụ án tranh chấp ly hôn được quy định tại Điều 51 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Bị đơn có nơi cư trú tại thành phố V, tỉnh Vĩnh Long nên căn cứ các Điều 28, 35, 36, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long; nguyên đơn và bị đơn đều có đơn xin vắng

mặt nên xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung.

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị N và anh T tự tìm hiểu nhau, sau đó tiến đến hôn nhân có đăng ký kết hôn ngày 02/02/2017 tại Ủy ban nhân dân xã T, thành phố V (nay là phường T), tỉnh Vĩnh Long nên được xác định là hôn nhân hợp pháp.

[2.2] Về mâu thuẫn vợ chồng:

Căn cứ các tài liệu trong hồ sơ, chị N và anh T đều trình bày vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn; chị N giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh T. Mặc dù anh T xác định vẫn còn tình cảm với chị N nhưng nếu chị N kiên quyết ly hôn thì anh vẫn đồng ý ly hôn. Xét thấy, chị N và anh T đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng đã sống ly thân, mỗi người đều có cuộc sống riêng, không ai quan tâm đến nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, nên đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N xử cho chị N và anh T ly hôn với nhau là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.3] Về con chung:

Chị N và anh T có 01 con chung là Trần Ngọc Cát T1, sinh năm 04/5/2014. Chị N yêu cầu được nuôi dưỡng con chung.

Xét thấy, hiện tại anh T đang chấp hành án tại Trại giam K 5 theo Bản án hình sự sơ thẩm số 02/2023/HSST ngày 04/01/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long. Tại biên bản ghi lời khai ngày 09/7/2024, anh T đồng ý giao con chung cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng và tại biên bản lấy lời khai ngày 21/6/2024, con chung Cát T1 cũng có nguyện vọng sống chung với mẹ. Do đó, đủ căn cứ giao con chung cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng. Chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng nên không đặt ra xem xét.

[2.4] Về tài sản chung: chị N và anh T cùng xác định: anh chị tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

[2.5] Nợ chung: chị N và anh T cùng xác định: anh chị không có nợ chung trong thời kỳ hôn nhân, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm: chị Mai Thị N phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Như phân tích trên, nên lời đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 144, khoản 4 Điều 147, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: cho ly hôn giữa chị Mai Thị N với anh Trần Thanh T.

2. Về con chung: giao con chung Trần Ngọc Cát T1, sinh ngày 04/5/2014 cho chị Mai Thị N tiếp tục nuôi dưỡng. Anh Trần Thanh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh T không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Anh T không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh T.

3. Về tài sản chung: chị N và anh T tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

4. Về nợ chung: chị N và anh T xác định không có nợ chung trong thời kỳ hôn nhân, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

5. Về án phí sơ thẩm: chị Mai Thị N phải nộp án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu xin ly hôn là 300.000đ được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp theo biên lai thu số 0006960 ngày 04/6/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long, chị N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

6. Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc ngày niêm yết Bản án tại chính quyền địa phương để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh VL;
- Các đương sự;
- THADS TPVL;
- VKSND TPVL;
- UBND Phường Tân Hội, Tp. Vĩnh Long (Giấy CNKH số 05, ngày 02/02/2027);
- Lưu Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Thị Mỹ Thuận